Đề 1

PHẦN TRẮC NGHIỆM : 4 ĐIỂM

Em hãy chọn câu trả lời đúng ghi vào bài làm

Câu 1 (1 điểm) Trong các phân số sau, phân số tối giản là: (M1)

a. $\frac{12}{6}$ **b.** $\frac{2}{6}$

c. $\frac{3}{6}$ **d.** $\frac{41}{6}$

Câu 2 (1 điểm) Giá trị của chữ số 8 trong số 583624 là: (M1)

a. 800 **b.** 8 000 **c.** 80 000 **d.** 800 000

Câu 3: Số thích hợp điền vào chỗ trống của: 2 yến 5 kg =..... kg là: **(1 điểm) (M1)**

a. 25 **b.** 2005 **c.** 250 **d.** 20005

Câu 4: (1 điểm) Phân số $\frac{2}{3}$ bằng phân số nào dưới đây **(M2)**

a. $\frac{20}{18}$ **b.** $\frac{15}{45}$ **c.** $\frac{10}{15}$ **d.** $\frac{4}{5}$

Câu 5 (1 điểm) Kết quả của phép tính: $\left(2+\frac{2}{3}-\frac{1}{4}\right)\times\frac{1}{5}$ là: **(M4)**

a. $\frac{13}{60}$ **b.** $\frac{1}{15}$ **c.** $\frac{29}{60}$ **d.** $\frac{3}{60}$

PHẦN TỰ LUẬN : 6 ĐIỂM

Câu 6 (1 điểm): Tìm x: (M2)

$$x:\frac{3}{4}=\frac{5}{6}$$

Câu 7 (1,5 điểm): Tính : (M3)

a) $3+\frac{5}{2}=$ b) $\frac{2}{8}:\frac{4}{8}=$ c) $\frac{13}{5}-2=$

Câu 8 (1,5 điểm) Trường Tiểu học Kim Đồng có số học sinh Khá gấp 3 lần số học sinh Giỏi. Biết rằng số học sinh Khá nhiều hơn số học sinh Giỏi là 140 em. Hỏi trường đó có bao nhiêu học sinh Giỏi và học sinh Khá? **(M3)**

Câu 9 (1 điểm) Một hình chữ nhật có chiều dài là 24 mét, chiều rộng bằng $\frac{2}{3}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó. **(M2)**

_____

HƯỚNG DẪN

PHẦN TRẮC NGHIỆM : 4 điểm

Mỗi ý đúng cho 1 điểm:

Câu	Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5
Đáp án	d	c	a	c	c
Điểm	1	1	1	1	1

PHẦN TỰ LUẬN : 6 điểm

<u>Câu 6</u> (1 điểm): Tìm x:

$$x : \frac{3}{4} = \frac{5}{6}$$

$$x = \frac{5}{6} \times \frac{3}{4}$$ (0,5 điểm)

$$x = \frac{15}{24}$$ (0,5 điểm)

<u>Câu 7:</u> (1,5 điểm): Tính : Mỗi tính đúng cho (0,5 điểm)

a) $3 + \frac{5}{2} = \frac{6}{2} + \frac{5}{2} = \frac{11}{2}$ **b)** $\frac{2}{8} : \frac{4}{8} = \frac{2}{8} \times \frac{8}{4} = \frac{16}{32} = \frac{1}{2}$

c) $\frac{13}{5} - 2 = \frac{13}{5} - \frac{10}{5} = \frac{3}{5}$

<u>Câu 8:</u> *(1,5điểm)*

Số số học sinh Giỏi là: 0,5đ

140 : (3 - 1) = 70 (học sinh) 0,25đ

Số học sinh khá: 0,25đ

70 x 3 hoặc 140 +70 = 210 (học sinh) 0,25đ

<u>Đáp số:</u> Khá: 210 học sinh

Giỏi: 70 học sinh 0,25

<u>Câu 9:</u> *(1điểm)*

Chiều rộng hình chữ nhật là: $24 \times \frac{2}{3} = 16$ (m) 0,5đ

Diện tích hình chữ nhật là: 24 x 16 = 384 (m^2) 0,5đ

Đáp số: 384 m^2

Đề 2

Bài 1. Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng:

a) Giá trị chữ số 6 trong số 456701 là:

A. 60
B.600
C.6000
D.60000

b) Dãy phân số được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. $\frac{3}{4};\frac{5}{6};\frac{1}{2};\frac{4}{3}$ B. $\frac{1}{2};\frac{5}{6};\frac{4}{3};\frac{3}{4}$ C. $\frac{4}{3};\frac{1}{2};\frac{3}{4};\frac{5}{6}$ D. $\frac{1}{2};\frac{3}{4};\frac{5}{6};\frac{4}{3}$

c) Phân số bằng phân số 5/6 là:

A. $\frac{24}{20}$ B. $\frac{20}{18}$ C. $\frac{20}{24}$ D. $\frac{18}{20}$

d) $15dm^2 4cm^2$ = ……cm^2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

A. 154
B.1540
C.1504
D.15040

e) Số thích hợp điền vào chỗ chấm để phút 1/4 = ……. giây là:

A. 20 B. 15 C. 15 giây D. 10

g) Hình thoi có độ dài hai đường chéo lần lượt là 16 cm và 12 cm. Diện tích của hình thoi là:

A. 56
B.192 C. 86 D. 96

Bài 2. Tính :

a) $1 + \frac{3}{4} =$ .....

b) $\frac{5}{9} : \frac{2}{3} =$ .....

c) $(\frac{3}{2} - \frac{3}{8}) : \frac{1}{2} =$ .....

d) $\frac{4}{3} - \frac{1}{3} \times \frac{5}{2} =$ .....

Bài 3. Tìm y.

a) 124 x y = 4829 – 365	b) 2652 : y = 26

Bài 4. Một lớp có 35 học sinh, trong đó số học sinh trai bằng 3/4 số học sinh gái. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh trai, bao nhiêu học sinh gái?

Bài 5: Một thửa ruộng hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 30 m và chiều rộng bằng 2/5 chiều dài. Trung bình cứ $1m^2$ thu hoạch được 3/5 kg thóc. Hỏi thửa ruộng đó thu hoạch được bao nhiêu tạ thóc?

Bài 6: Hiện nay tuổi cháu kém tổng số tuổi của ông và bố là 86 tuổi, tuổi ông hơn tuổi bố 28 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay, biết tổng số tuổi của ông, bố và cháu là 98 tuổi.

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN GIẢI

Bài 1 : 3 điểm (0,5 đ/câu)

Câu	a	b	c	D	e	G
Ý đúng	C	D	C	C	B	D

Bài 2 : 2 điểm (tính đúng kết quả mỗi phép tính được: 0,5 điểm)

a. 7/4 b. 5/6 c. 9/4 d. 1/2

Bài 3 : 1 điểm (Thực hiện và đúng các bước tìm y mỗi bài: 0,5 điểm)

a. y = 36 b. y = 102

Bài 4 : 1 điểm : <u>Giải</u>

– Vẽ được, đúng sơ đồ : 0, 1 điểm

Tổng số phần bằng nhau là: 3 + 4 =7 (phần) 0,25 điểm

Số học sinh trai của lớp là: 35 : 7 x 3 = 15 (bạn) 0,25điểm

Số học sinh gái của lớp là: 35 – 15 =20 (bạn) 0,25điểm

Đáp số : 15 bạn trai; 20 bạn gái 0,15 điểm

Bài 5: (2 điểm)

Vẽ đúng sơ đồ: 0, 25đ

Hiệu số phần bằng nhau là: 5 – 2 = 3 (phần) 0,25điểm

Chiều rộng thửa ruộng là: 30 : 3 x 2 = 20m 0,25 điểm

Chiều dài thửa ruộng là: 20 + 30 = 50 m 0,25điểm

Diện tích thửa ruộng là: 50 x 20 = 1000m^2 0,25điểm

Số thóc thu hoạch được trên thửa ruộng là:

1000 x = 600kg = 6 tạ 0,5điểm

Đáp số: 6 tạ 0,25điểm

Bài 6. (1 điểm)

Tuổi cháu hiện nay là : (98 – 86) : 2 = 6 (tuổi) 0,2 đ

Tổng số tuổi của ông và bố hiện nay là : 98 – 6 = 92 (tuổi) 0,2 đ

Tuổi của ông hiện nay là : (92 – 28) : 2 = 60 (tuổi) 0,2 đ

Tuổi bố hiện nay là : 60 – 28 = 32 (tuổi) 0,2 đ

Đáp số : Ông : 60 tuổi; Bố : 32 tuổi ; Cháu : 6 tuổi 0,2 đ

Đề 3

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Hãy khoanh vào mỗi chữ cái trước ý trả lời đúng nhất hoặc viết vào chỗ chấm kết quả chính xác nhất trong mỗi yêu cầu dưới đây:

Câu 1. Số "Hai trăm tám mươi mốt nghìn bảy trăm tám mươi" được viết là:

A. 281 870
B.281 780 C. 218 780 D. 128 780

Câu 2. Rút gọn phân số 12/28 ta được kết quả là:

A. $\frac{6}{12}$ B. $\frac{2}{8}$

C. $\frac{3}{7}$ D. $\frac{4}{8}$

Câu 3. Phép chia 43 659 : 63 có thương là:

A. 596 B. 639 C. 693
D.722

Câu 4. Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm của 73 038 g = ….kg…..g là:

A. 73; 38
B.7; 3038
C.73; 83
D.7303; 8

Câu 5: Trong khoảng thời gian sau, khoảng thời gian nào dài nhất:

A. 85 phút
B.2 giờ 5 phút
C.1 giờ 5 phút
D.128 phút

Câu 6. Nửa chu vi của một hình chữ nhật là 24 cm. Nếu chiều dài là 15 cm thì diện tích của hình chữ nhật là:

A. 24 cm^2
B.126 cm^2
C.135 cm^2 D.720 cm^2

Câu 7. Viết tiếp vào chỗ chấm để có câu trả lời đúng nhất:

Để lát nền một phòng học hình chữ nhật, người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 20 cm. Hỏi cần bao nhiêu viên gạch để lát kín phòng học đó, biết rằng nền phòng học có chiều rộng 5m, chiều dài 8m và phần mạch vữa không đáng kể?

Trả lời: Người ta phải dùng ……viên gạch để lát kín phòng học trên.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 8. (1 điểm)

Một trường học có tất cả 405 học sinh. Biết số học sinh nữ của trường đó bằng 2/3 số học sinh nam. Tính số học sinh nữ, số học sinh nam của trường học đó?

Câu 9 (1 điểm):

Thửa ruộng thứ nhất thu hoạch được 1070 ki-lô gam thóc. Thửa ruộng thứ hai thu hoặc được nhiều hơn thửa ruộng thứ nhất 386 ki – lô gam thóc. Hỏi trung bình mỗi thửa ruộng thu hoạch được bao nhiêu ki – lô – gam thóc?

Câu 10: (1 điểm) Tìm X biết:

x x 2 + x x 3 + x x 4 + x = 2130

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM LỚP 4 MÔN TOÁN

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: 7,0 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	B	C	C	A	D	C	1000
Số điểm	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0	1,0

II. PHẦN TỰ LUẬN: 3,0 điểm

Câu 8: (1,0điểm)

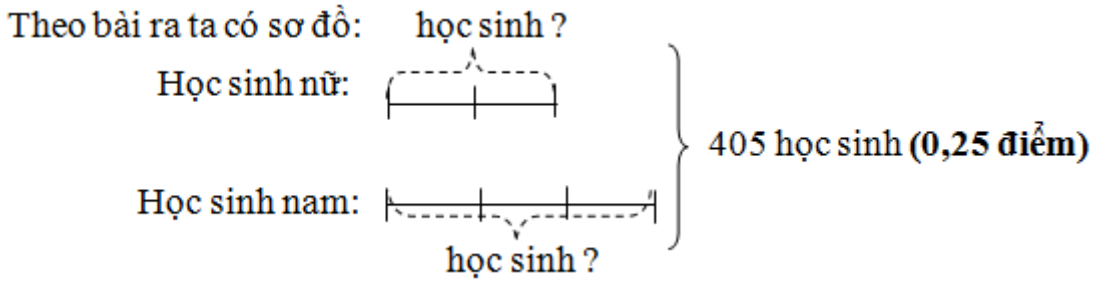

Theo sơ đồ, tổng số phần bằng nhau là:

2 + 3 = 5 (phần) (0,25 điểm)

Số học sinh nữ của trường học đó là:

405 : 5 x 2 = 162 (học sinh) (0,25 điểm)

Số học sinh nam của trường học đó là:

405- 162 = 243 (học sinh) (0,25 điểm)

Đáp số: nữ: 162 học sinh; nam: 243 học sinh

Câu 9: (1,0điểm)

Thửa ruộng thứ hai thu hoạch được số ki – lô – gam thóc là:

1070 + 386 = 1456 (kg) (0,5 điểm)

Trung bình mỗi thửa ruộng thu hoạch được số ki – lô – gam thóc là:

1456 : 2 = 728 (kg) (0,25 điểm)

Đáp số: 728 kg thóc (0,25 điểm)

Câu 10: (1,0 điểm) Tìm *x* biết:

x x 2 + *x* x 3 + *x* x 4 + *x* = 2130

x x 2 + *x* x 3 + *x* x 4 + *x* x 1= 2130

x x (2 + 3 + 4 + 1) = 2130

x x 10 = 2130

x = 2130 : 10

x = 213

Đề 4

I.PHẦN TRẮC NGHIỆM : *(3 điểm)*

* Hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng :

Câu 1: Chữ số 5 trong số 254836 có giá trị là:(0,5 đ)

A.50

B.5000

C.50000

D. 500000

Câu 2: Nối cột A với cột B sao cho đúng: (0,5 đ)

A	**B**
1) 1 phút	a) 60 giây
2) 1 phút 30 giây	b) 30 giây
3) 2 phút	c) 90 giây
d)120giây	

Câu 3: .Kết quả của phép nhân 213 x 65 là:(0,5 đ)

A.13854

B.13845

C.13485

D.13458

Câu 4: Đúng ghi Đ, sai ghi S**:** 0,5 đ)

A. 1 tấn 32 kg = 1032 kg [….] B. 4 kg = 400 g [….]

C. 2 thế kỉ = 200 năm [….] D. 5 yến = 500 kg [….]

Câu 5: Kết quả của phép chia 1845: 15 là:(0,5 đ) M2

A.132

B.123

C.213

D. 231

Câu 6: Điền số thích hợp trong ngoặc đơn vào chỗ chấm:(0,5 đ)

5 dm^2 3 cm^2 = ……..cm^2

II. PHẦN TỰ LUẬN : *(7 điểm)*

Câu 1: Tính:(1 đ)

$\frac{5}{7}+\frac{2}{3}=$..... .....

Câu 2: Tính diện tích của hình bình hành sau: (1 đ)

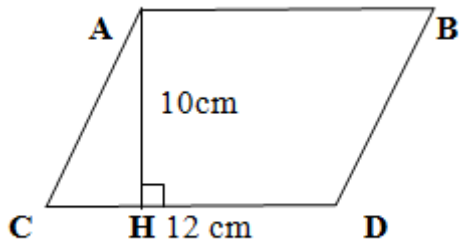

Câu 3: Hiệu của hai số là 120. Tỉ số của hai số là 1/5

Câu 4: Một mảnh vườn hình chữ nhật có nửa chu vi là 40m, chiều rộng bằng 2/3 chiều dài. Tính diện tích mảnh vườn đó?(2 đ)

Câu 5 : Trước đây 5 năm mẹ hơn con 28 tuổi. Năm nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Hỏi năm nay con bao nhiêu tuổi?(1 đ)

HƯỚNG DẪN

I.PHẦN TRẮC NGHIỆM : (3 điểm) Đúng mỗi câu 0,5 đ

Câu 1: C.50000

Câu 2: Nối : 1 với a; 2 với c; 3 với d.

Câu 3:B.13845

Câu 4: A – Đ; B – S; C – Đ; D – S

Câu 5: B. 123

Câu 6: 5 dm^2 3 cm^2 =503 cm^2

II. PHẦN TỰ LUẬN : (7 điểm)

Câu 2: (1đ) Diện tích hình bình hành là:

10 x 12 = 120 (cm^2)

Đáp số: 120 (cm^2)

Câu 3: (2 đ)

Hiệu số phần bằng nhau là:

5 – 1 = 4 (phần)

Số bé là:

120 : 4 = 30

Số lớn là:

120 + 30 = 150

Đ/S: số bé 30; số lớn 150

Câu 4: (2 đ) Tổng số phần bằng nhau là:

2 + 3 = 5 (phần)

Chiều rộng hình chữ nhật là:

40 : 5 x 2 = 16 (m)

Chiều dài hình chữ nhật là:

40 – 16 = 24 (m)

Diện tích hình chữ nhật là:

24 x 16 =384 (m^2)

Đ/S: 384 m^2

Câu 5: (1đ) Tuổi con hiện nay là:

(46 – 28) : 2 = 9 (tuổi)

Đ/S: con 9 tuổi.